

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

HOÀNG THỊ HẠNH

**NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA NỢ CÔNG, THAM NHỮNG ĐẾN
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ
TẠI CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI**

Ngành: Tài chính – Ngân hàng
Mã số ngành: 9340201

TÓM TẮT LUẬN ÁN KINH TẾ

Thành phố Hồ Chí Minh - Năm 2022

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Tài chính – Marketing

Người hướng dẫn khoa học 1: TS. Đặng Thị Ngọc Lan

Người hướng dẫn khoa học 2: PGS. TS. Diệp Gia Luật

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại

.....

Vào hồi giờ Ngày Tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện

- Thư viện

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Trong những thập niên qua, nhiều công trình nghiên cứu về tác động của nợ công đối với tăng trưởng kinh tế (TTKT) đã được thực hiện bởi các nhà nghiên cứu trên thế giới. Kết quả nghiên cứu tập trung theo hai hướng là nợ công tác động thúc đẩy TTKT và ngược lại, nợ công tác động cản trở đối với TTKT của một quốc gia. Tuy nhiên các nghiên cứu cho thấy rằng nợ công chỉ có tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế là khá hạn chế như của các tác giả Abbas và cộng sự (2007), Dreger (2013) mà đa số các kết quả nghiên cứu đều chỉ ra rằng mối quan hệ giữa nợ công và TTKT là phi tuyến. Ngoài ra, những kết quả nghiên cứu đã chỉ ra ở trên cho thấy rằng ngưỡng nợ công không phải là duy nhất và không thay đổi theo thời gian nghiên cứu. Hơn thế nữa, việc xem xét tác động của nợ công dưới điều kiện tham nhũng là thực sự cần thiết để thấy được thực sự bản chất của nợ công không phải là vấn đề nghiêm trọng nếu nợ công được sử dụng hiệu quả, đặc biệt là đối với các nước thu nhập trung bình và thu nhập thấp nhưng nếu nợ công bị ảnh hưởng bởi yếu tố tham nhũng thì vấn đề trở nên quan trọng và cần quan tâm một cách thỏa đáng hơn.

Từ những phân tích ở trên, tác giả nhận thấy rằng chủ đề về nợ công, tham nhũng luôn có tính thời sự và cần được nghiên cứu kết hợp. Chính vì vậy tác giả xác định là đây chính là khoảng trống trong nghiên cứu cần được nghiên cứu sâu thêm để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến chủ đề này thông qua luận án với chủ đề ***“Nghiên cứu tác động của nợ công, tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia trên thế giới”***.

1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Thứ nhất là kiểm định có hay không mối quan hệ phi tuyến giữa nợ công và TTKT để từ đó xác định ngưỡng nợ công hợp lý (nếu có) của các nhóm

quốc gia: Thu nhập cao, thu nhập trung bình cao và thu nhập trung bình thấp.

Thứ hai là phân tích tác động của tham nhũng đến TTKT của các nhóm quốc gia: Thu nhập thấp, thu nhập trung bình cao và thu nhập trung bình thấp.

Thứ ba là phân tích tác động của nợ công đến TTKT như là một hàm số theo tham nhũng ở các nhóm quốc gia: Thu nhập cao, thu nhập trung bình cao và thu nhập trung bình thấp.

Thứ tư: Đề xuất hàm ý chính sách từ các kết quả nghiên cứu nhận được cho các nhóm quốc gia nghiên cứu.

1.3. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1.3.1 Đối tượng nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là nợ công, tham nhũng và tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, đối tượng nghiên cứu của luận án còn bao gồm mối quan hệ giữa nợ công và TTKT, giữa tham nhũng và TTKT, giữa nợ công, tham nhũng và TTKT.

1.3.2 Phạm vi nghiên cứu của luận án

Phạm vi nghiên cứu của luận án là nợ công, tham nhũng và tăng trưởng kinh tế tại 86 quốc gia trên giới giới được phân thành ba nhóm gồm 36 quốc gia có thu nhập cao (TNC), 29 quốc gia có thu nhập trung bình cao (TBC) và 21 quốc gia có thu nhập trung bình thấp (TBT) trong giai đoạn từ 2000 đến 2019.

1.4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích định lượng để xác định tác động của nợ công, tham nhũng, tương tác giữa nợ công và tham nhũng (và một số biến kiểm soát khác trong mô hình) đến tăng trưởng kinh tế thông qua việc phân tích mô hình hồi quy tuyến tính đối với dữ liệu bảng động không cân bằng. Cụ thể, tác giả ước lượng các hệ số hồi quy của biến

giải thích và biên kiểm soát thông qua phương pháp ước lượng POLS, mô hình REM, mô hình FEM và phương pháp ước lượng DGMM.

1.5. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Ý nghĩa về mặt khoa học của luận án

Theo tìm hiểu của tác giả thì các nghiên cứu trên thế giới cũng như ở Việt Nam hầu hết tập trung vào nghiên cứu tác động riêng lẻ hoặc giữa nợ công và tăng trưởng kinh tế hoặc giữa tham nhũng và tăng trưởng kinh tế và chỉ có rất ít các nghiên cứu đánh giá tác động đồng thời của các yếu tố như nợ công, tham nhũng, lạm phát, ... đến TTKT nên việc tác giả nghiên cứu tác động đồng thời của hai yếu tố nợ công và tham nhũng cũng như tác động của nợ công trong điều kiện tham nhũng khác nhau đến TTKT có thể đóng góp một khía cạnh nghiên cứu bổ sung bên cạnh những nghiên cứu đã có trước đây về các yếu tố tác động đến TTKT ở các nhóm nước nói chung và mỗi nước nói riêng.

Ý nghĩa về mặt thực tiễn của luận án

Khẳng định mối quan hệ phi tuyến giữa nợ công và TTKT, xác định ngưỡng nợ công có sự thay đổi theo thời gian, xem xét ảnh hưởng của tham nhũng đối với tác động của nợ công đến TTKT, nhấn mạnh sự khác biệt về kết quả nghiên cứu đối với ba nhóm nước, khẳng định chính sách nợ công Việt Nam đang thực hiện là phù hợp và kết quả đề tài góp phần là tài liệu tham khảo cho những bên quan tâm về chủ đề này.

1.6. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Luận án này được thiết kế gồm 5 chương không kể phần mở đầu, tài liệu tham khảo và phụ lục. Bao gồm *Chương 1*: Giới thiệu đề tài nghiên cứu; *Chương 2*: Tổng quan khung lý thuyết về nợ công, tham nhũng và tăng trưởng kinh tế; *Chương 3*: Phương pháp nghiên cứu; *Chương 4*: Kết quả nghiên cứu và thảo luận; *Chương 5*: Kết luận và hàm ý chính sách.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN KHUNG LÝ THUYẾT VỀ NỢ CÔNG, THAM NHŨNG VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

2.1 LÝ THUYẾT VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

2.1.1 Khái niệm và phương pháp đo lường tăng trưởng kinh tế

2.1.1.1 Khái niệm tăng trưởng kinh tế

2.1.1.2 Phương pháp đo lường tăng trưởng kinh tế

2.1.2 Lý thuyết và mô hình về các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế

2.1.2.1 Lý thuyết tăng trưởng theo trường phái Keynes. Mô hình Harrod-Domar

2.1.2.2 Lý thuyết tân cổ điển về tăng trưởng kinh tế và một số mô hình tiêu biểu

2.1.2.3 Lý thuyết và mô hình tăng trưởng hiện đại

2.2 TÁC ĐỘNG CỦA NỢ CÔNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

2.2.1 Khái niệm và phương pháp đo lường nợ công

2.2.1.1 Khái niệm nợ công

Khi nói đến khái niệm nợ công, thường mỗi nước có thể có những tiêu chí đo lường khác nhau nhưng đều có điểm chung với định nghĩa của các tổ chức tài chính lớn như Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế. Trong nghiên cứu này tác giả sử dụng khái niệm Nợ công theo định nghĩa của tổ chức Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế.

2.2.1.2 Phương pháp đo lường nợ công

Kết quả ước lượng không những phụ thuộc vào mô hình được xây dựng, phương pháp lựa chọn mà còn phụ thuộc vào việc xác giá trị của biến đưa vào trong mô hình. Vì vậy, việc tính toán giá trị nợ công là một kỹ thuật quan trọng trong nghiên cứu. Theo lý thuyết thì có hai phương pháp xác định giá trị nợ công là lấy giá trị nợ công vào cuối kỳ, thường là lấy giá

trị của nợ công vào thời điểm cuối năm tài chính và lấy giá trị nợ công trung bình.

2.2.2 Tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế

2.2.2.1 Lý thuyết nợ công tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế

Quan điểm nợ công tác động tích cực đến TTKT cho rằng Chính phủ có thể tác động vào tổng cầu của nền kinh tế thông qua tác động vào chi tiêu của mình là của những học giả theo trường phái Keynes.

2.2.2.2 Lý thuyết nợ công tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế

Elmendorf và Mankiw (1999) đã đưa ra một số lập luận về tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế của các nước. Theo đó, nợ công có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn thông qua việc gia tăng tổng cầu của nền kinh tế. Tuy nhiên, trong dài hạn, nợ công lại làm suy giảm tiết kiệm và tích lũy vốn do lãi suất huy động tăng lên, từ đó làm suy giảm tăng trưởng kinh tế. Lập luận này sau đó được phát triển bởi Diamond (1965) và (Barro, 1990).

2.2.2.3 Lý thuyết cân bằng Ricardo

Cân bằng Ricardo là một lý thuyết trung lập đề cập đến ảnh hưởng của nợ công đến tăng trưởng kinh tế. Ý tưởng của lý thuyết này cho rằng nếu Chính phủ chỉ thay đổi một loại chính sách nhất định thì sự thay đổi này không có bất kỳ ảnh hưởng quan trọng nào.

2.2.2.4 Nợ công có quan hệ phi tuyến với tăng trưởng kinh tế

Khi xem xét tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế thì một vấn đề quan trọng cần thừa nhận đó là các quốc gia khác nhau thì mối quan hệ này cũng phản ánh khác nhau. Một số nguyên nhân để giải thích cho sự khác biệt này có thể kể đến là sự khác biệt về trình độ phát triển của khoa học công nghệ, khả năng chịu đựng mức nợ hay khả năng dễ bị tổn thương của thị trường tài chính đối với cấu trúc của nợ công. Tuy nhiên, việc giải thích mối quan hệ phi tuyến của nợ công đối với tăng trưởng kinh tế cho

đến nay chưa được giải thích bởi lý thuyết mà chỉ được chứng minh bởi các nghiên cứu thực nghiệm đã được công bố.

2.3 TÁC ĐỘNG CỦA THAM NHỮNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

2.3.1 Khái niệm và phương pháp đo lường

2.3.1.1 Khái niệm tham nhũng

Tùy vào những mục tiêu khác nhau thì khái niệm về tham nhũng cũng có sự khác biệt, tuy nhiên nhìn chung cũng có một số nội hàm là tương đồng nhau.

Trong nghiên cứu này tác giả sử dụng khái niệm tham nhũng là hành vi của người hoặc nhóm người có chức vụ, quyền hạn trong khu vực công đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì mục đích tư lợi cá nhân hoặc tư lợi cho lợi ích nhóm.

2.3.1.2 Các phương pháp đo lường tham nhũng

Cho đến nay, một số phương pháp đo lường tham nhũng được sử dụng phổ biến gồm đo lường thông qua Chỉ số cảm nhận tham nhũng của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, chỉ số Kiểm soát tham nhũng – một trong sáu chỉ số cấu thành chỉ số quản trị toàn cầu do WB xây dựng.

2.3.2 Tác động của tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế

Dzhumashev (2014) phát triển mô hình tăng trưởng nội sinh của Barro (1990) bằng cách giả định rằng nền kinh tế có hai nhóm tác nhân, một nhóm tham gia vào sản xuất hàng hóa công và nhóm còn lại tham gia vào sản xuất tư nhân. Phân tích dựa theo lý thuyết về sự tối đa hóa hàm hữu dụng đối với hộ gia đình, quan chức chính phủ, công ty và lý thuyết về sự ràng buộc ngân sách. Kết quả là ảnh hưởng của tham nhũng đến TTKT theo hướng tích cực hay tiêu cực phụ thuộc vào quy mô Chính phủ cao hơn hay thấp hơn quy mô tối ưu.

2.4 TÁC ĐỘNG CỦA NỢ CÔNG, THAM NHỮNG ĐẾN TĂNG

TRƯỜNG KINH TẾ

Dựa vào mô hình tăng trưởng các thể hệ chông chéo của Diamond và Samuelson, mô hình tăng trưởng nội sinh của Barro (1990), Ivanyna và cộng sự (2015a, 2015b) thực hiện xây dựng các phương trình phản ánh việc tối đa hóa hữu dụng của các hộ gia đình, quan chức Chính phủ, doanh nghiệp và sau đó chứng minh được mối quan hệ giữa nợ công, tham nhũng và TTKT. Cụ thể, tham nhũng đang gia tăng trong quy mô của ngân sách tùy ý có sẵn cho đầu tư công. Khi quy mô của ngân sách tùy ý tăng lên, lợi ích cận biên của việc tăng các hoạt động bất hợp pháp trở thành ngân sách tùy ý lớn hơn cho ngân sách đầu tư công tạo ra cơ hội cho tham nhũng. Do đó, sự gia tăng việc phát hành nợ mới để tài trợ cho đầu tư công sẽ làm tăng tham nhũng. Sau đó, đến lượt tham nhũng sẽ làm tăng việc trốn thuế (thông qua hiệu ứng tham nhũng), giảm doanh thu thuế và gia tăng thêm vay nợ của Chính phủ. Tuy nhiên, khi các khoản nợ và tiền lãi trong quá khứ đến hạn phải thanh toán thì các khoản ngân sách tùy ý để tài trợ cho đầu tư công sẽ giảm, kết quả là làm giảm lợi ích cận biên của tham nhũng. Bên cạnh đó, theo thời gian thì việc tăng nghĩa vụ chi tiêu cũng làm tăng chi phí duy trì ngân sách tùy ý với quy mô nhất định, do đó cũng đòi hỏi việc vay nợ để tài trợ cho chi tiêu. Tuy nhiên, việc phát hành nợ mới khi nghĩa vụ cho các khoản nợ cũ ở mức cao sẽ phải gánh chịu một chi phí rất tốn kém. Chính vì vậy, nợ công cao từ quá trình tích lũy nợ trong quá khứ làm giảm tham nhũng, trốn thuế và nợ công. Chính sự tương tác qua lại giữa nợ công và tham nhũng có thể đủ mạnh để tạo ra một chu kỳ nợ - tham nhũng. Điều này có nghĩa là nợ công và tham nhũng sẽ tương đối cao trong một kỳ và chi giảm xuống mức thấp hơn trong một giai đoạn tiếp theo.

2.5 CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

2.5.1 Các nghiên cứu về tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế

2.5.1.1 Các nghiên cứu ở nước ngoài

Nợ công tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế

Các nghiên cứu chỉ đưa ra kết quả về tác động tích cực của nợ công đối với TTKT thì khá hạn chế gồm của các tác giả Abbas, S. M., & Christensen, J. (2010), Dreger, C., & Reimers, H. E. (2013), Fincke và Greiner (2015b).

Nợ công tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế

Tương tự như các nghiên cứu chỉ cho thấy tác động tích cực của nợ công đối với TTKT thì kết quả chỉ phản ánh tác động tiêu cực của nợ công đối với TTKT cũng khá hạn chế gồm Presbitero (2005), Abbas và cộng sự (2010), Kumar và Woo (2010,, 2015), Calderón và Fuentes (2013), Eberhardt và Presbitero (2015), Fincke và Greiner (2015a).

Nợ công có quan hệ phi tuyến đối với tăng trưởng kinh tế

Khác với hai nhóm kết quả trên thì hầu hết các kết quả nghiên cứu đều chỉ ra rằng mối quan hệ giữa nợ công và TTKT là quan hệ phi tuyến tính và tồn tại một ngưỡng nợ công mà ở đó chiều hướng tác động của nợ công sẽ thay đổi. Các nghiên cứu này là của các tác giả Reinhart, C. M., & Rogoff, K. S. (2010), Checherita-Westphal, C., & Rother, P. (2010), Kumar và Woo (2010, 2015), Canner và cộng sự (2010), Pattillo, C., Poirson, H., & Ricci, L. A. (2011), (Cecchetti và cộng sự, 2011), Minea và Parent (2012), Elmeskov, J., & Sutherland, D. (2012), Padoan và cộng sự (2012), Baum và cộng sự (2013), Égert, B. (2015), Markus và Schweickert (2018).

2.5.1.2 Các nghiên cứu trong nước

Các tác giả có nghiên cứu ủng hộ quan điểm nợ công tác động tích cực đến TTKT gồm Lê Thị Minh Ngọc (2011), Võ Hữu Phước và Nguyễn Quyết (2016); nợ công tác động tiêu cực đến TTKT gồm Nguyễn Văn Phúc

(2013), Nguyễn Văn Bôn (2016), Võ Thanh Hòa (2017) ; nợ công có quan hệ phi tuyến với TTKT gồm Lê Phan Thị Diệu Thảo và Thái Hán Vinh (2015), Mai Đình Lâm và Nguyễn Thanh Sang (2016).

2.5.2 Các nghiên cứu về tác động của tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế

2.5.2.1 Các nghiên cứu ở nước ngoài

Mối quan hệ giữa tham nhũng và tăng trưởng kinh tế cũng được nhiều nhà nghiên cứu thực hiện với nhiều phương pháp và mẫu được chọn khác nhau. Kết quả của các nghiên cứu này có thể được chia thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất, tham nhũng tác động tiêu cực đến TTKT gồm các tác giả Mauro (1997), Tanzi, V., và Davoodi, H. (1998), Poirson (1998), Venard (2013), Takuma và Akihisa (2014), D'Agostino, G.; Dunne, J.P.; Pieroni (2016a, 2016b), Andrzej Cieślak và Łukasz Goczek (2018). Ngược lại, nhóm thứ hai lại cho rằng tham nhũng tác động tích cực đến TTKT gồm Brunetti và cộng sự (1997), Wedeman (1997), Heckelman và Powell (2010), Chiung-JuHuang (2016).

2.5.2.2 Các nghiên cứu trong nước

Theo tìm hiểu của tác giả thì có một số nghiên cứu thực nghiệm nổi bật trong thời gian gần đây gồm Đặng Văn Cường (2016) cho rằng tham nhũng đóng vai trò là chất bôi trơn cho thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong điều kiện chất lượng thể chế thấp và Bùi Thị Thùy Dương (2019) đồng thuận quan điểm kiểm soát tham nhũng sẽ kích thích TTKT.

2.5.3 Các nghiên cứu về tác động của nợ công, tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế

2.5.3.1 Các nghiên cứu ở nước ngoài

Các nghiên cứu xem xét đồng thời tác động kết hợp của các biến vĩ mô khác nhau đến TTKT thì khá hạn chế, đặc biệt là nghiên cứu tác động của nợ công dưới ảnh hưởng của tham nhũng ở các nhóm nước bao gồm

Mauro (1995), Jalles, T.J (2011), Kourtellos, A., Stengos, T., & Tan, C. M. (2013), Kim, E., Ha, Y., & Kim, S. (2017).

2.5.3.2 Các nghiên cứu trong nước

Các nghiên cứu kết hợp giữa các yếu tố vĩ mô gồm nợ công, tham nhũng và TTKT tại Việt Nam theo tìm hiểu của tác giả thì gần như không có, hiện chỉ có nghiên cứu kết hợp giữa nợ công, lạm phát và TTKT của Nguyễn Văn Bôn (2016) và nghiên cứu kết hợp giữa nợ công, quy mô Chính phủ và TTKT của Hoàng Khắc Lịch, Dương Cẩm Tú (2018).

2.6 KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

Ngày nay việc vay nợ ngày càng trở nên phổ biến đối với tất cả các thực thể trong nền kinh tế từ cá nhân, tổ chức đến một quốc gia. Tuy nhiên, bất kể mọi vật đều có tính hai mặt và việc sử dụng vay nợ cũng không ngoại lệ. Bên cạnh những lợi ích mà việc vay nợ tạo ra thì vay nợ cũng sản sinh ra những rủi ro nhất định. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu cho thấy một số những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng nợ công là việc tiếp cận với khoản vay một cách khá dễ dàng, lãi suất thấp cộng với việc quyết định chi tiêu quá mức so với nền kinh tế và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Mà theo Tanzi và Davoodi (2002) việc tăng chi tiêu công là hậu quả của tham nhũng. Những tác động của tham nhũng đến chi tiêu công có thể được xem như là những kênh truyền dẫn tác động của tham nhũng đến nợ công.

Mặt khác tổng hợp các kết quả nghiên cứu về nợ công, tham nhũng và tăng trưởng kinh tế có thể cho thấy rằng hầu hết các kết quả đều chỉ ra rằng nợ công và TTKT có mối quan hệ phi tuyến tính và tồn tại một ngưỡng nợ công nhất định đối với các nhóm nước tại các khoảng thời gian nghiên cứu khác nhau và cũng có rất ít các nghiên cứu được thực hiện nghiên cứu kết hợp giữa nợ công, tham nhũng và TTKT trên thế giới và tại Việt Nam. Thêm vào đó, chủ đề về nợ công, tham nhũng, TTKT luôn là một chủ đề có tính thời sự cao và được rất nhiều sự quan tâm của các học

giả, các nhà tạo lập chính sách vì các chỉ tiêu này phản ánh sự phát triển của một đất nước. Các quốc gia vay nợ để thúc đẩy TTKT nhưng để việc sử dụng nợ một cách hiệu quả thì phải kiểm soát tốt tham nhũng. Bộ ba các yếu tố vĩ mô này có mối quan hệ mật thiết với nhau và đã được chứng minh cả trong lý thuyết và các nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam và trên thế giới. Chính vì vậy tác giả xác định rằng việc nghiên cứu mối quan hệ giữa nợ công, tham nhũng và TTKT trong bối cảnh đặc biệt để một lần nữa kiểm chứng các lý thuyết cũng như kỳ vọng tìm ra ngưỡng nợ công hợp lý cần kiểm soát cho các nhóm nước từ đó đề xuất một số hàm ý cho các nhóm nước nói chung và Việt Nam nói riêng như một khoảng trống nghiên cứu cho luận án này.

Tóm tắt Chương 2

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU

Nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập để sử dụng cho nghiên cứu này tải từ các website của các tổ chức gồm Ngân hàng thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế và tổ chức Minh bạch Quốc tế.

3.2 PHÁT TRIỂN GIẢ THUYẾT VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

3.2.1 Xây dựng mô hình nghiên cứu

Dựa vào lý thuyết về tăng trưởng nội sinh của Barro (1990) và hàm sản xuất của nền kinh tế có dạng hàm Cobb-Douglas, kế thừa các biến gồm tăng trưởng kinh tế, GDP BQĐN đầu chu kỳ, Nợ công, độ mở thương mại, thâm hụt ngân sách, lạm phát, quy mô chính phủ trong nghiên cứu của Woo và Kumar (2010, 2015), biến tham nhũng, biến tương tác giữa nợ công và tham nhũng trong nghiên cứu Kim và cộng sự (2017), biến Vốn con người trong mô hình nghiên cứu của Nguyễn Văn Bồn (2016) tác giả xây

dựng các mô hình thực nghiệm để giải quyết các mục tiêu của đề tài đã đặt ra gồm:

Thứ nhất, Mô hình phân tích mối quan hệ phi tuyến giữa nợ công và TTKT, đồng thời xác định giá trị ngưỡng nợ công tối ưu.

$$\Delta Y_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \log(Y_{i,t-4}) + \beta_2 DEBT_{i,t-4} + \beta_3 DEBT_{i,t-4}^2 + \sum_{j=4} \beta_j X_{i,t-4} + \rho_i + \tau_t + \varepsilon_{it} \quad (3.2)$$

Trong đó:

- $\Delta Y_{it} = (\log Y_{it} - \log(Y_{i,t-4}))/4$, đại diện cho biến Tăng trưởng kinh tế. Biến này phản ánh mức tăng trưởng GDP BQĐN thực trung bình một năm dựa trên ngang giá sức mua (lấy log) với t là thời điểm cuối chu kỳ và t-4 là thời điểm đầu chu kỳ.

- $Y_{i,t-4}$ là GDP bình quân đầu người tại thời điểm đầu chu kỳ

- $DEBT_{i,t-4}$ là tỷ lệ nợ công trên GDP theo giá so sánh tại thời điểm đầu chu kỳ.

- $X_{i,t-4}$ là các biến kiểm soát tại thời điểm đầu chu kỳ, gồm Vốn con người (HUMAN), Lạm phát (INFLAT), Quy mô chính phủ (GFSIZE), Độ mở thương mại (TO), Thâm hụt ngân sách (DEFICIT) và Khủng hoảng nợ công (CRISIS).

- β_0 là hệ số chặn của mô hình hồi quy và β_j là các hệ số hồi quy của các biến trong mô hình.

- ρ_i là tác động cố định theo đối tượng, τ_t là tác động cố định theo thời gian và ε_{it} là sai số của mô hình.

Thứ hai, Mô hình phân tích tác động của tham nhũng đối với TTKT

$$\Delta Y_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \log(Y_{i,t-4}) + \beta_2 CPI_{i,t-4} + \sum_{j=3}^8 \beta_j X_{i,t-4} + \rho_i + \tau_t + \varepsilon_{it} \quad (3.3)$$

Trong đó: CPI là chỉ số cảm nhận tham nhũng

Cuối cùng, mô hình phân tích tác động đồng thời của nợ công như là một hàm số theo tham nhũng đến TTKT.

$$\Delta Y_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \log(Y_{i,t-4}) + \beta_2 DEBT_{i,t-4} + \beta_3 CPI_{i,t-4} + \beta_4 DEBT_{i,t-4} * CPI_{i,t-4} + \sum_{j=5} \beta_j X_{i,t-4} + \rho_i + \tau_t + \varepsilon_{it} \quad (3.4)$$

3.2.2 Phát triển giả thuyết nghiên cứu và mô tả biến

3.2.2.1 Biến phụ thuộc – Tăng trưởng kinh tế

3.2.2.2 Biến độc lập và biến kiểm soát

Biến độc lập bao gồm Nợ công, Nợ công bình phương, Tham nhũng và biến tương tác giữa Nợ công và Tham nhũng. Dựa theo các lý thuyết và mục tiêu của luận án tác giả xây dựng các giả thuyết sau.

H1: Nợ công có mối quan hệ phi tuyến với tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia thuộc ba nhóm và ngưỡng nợ công hợp lý có sự khác nhau giữa ba nhóm nước, cụ thể nhóm nước có thu nhập cao hơn thì ngưỡng nợ công sẽ cao hơn.

H2: Tham nhũng có mối quan hệ ngược chiều đối với tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia thuộc ba nhóm thu nhập trung bình thấp, thu nhập trung bình cao và thu nhập cao. Cụ thể, chỉ số cảm nhận tham nhũng càng cao (độ minh bạch càng thấp) thì TTKT càng giảm và ngược lại.

H3: Hệ số của biến nợ công có quan hệ cùng chiều và hệ số của biến tương tác giữa nợ công và tham nhũng có quan hệ ngược chiều với TTKT trong mô hình chứa biến tương tác cho các các quốc gia thuộc ba nhóm thu nhập TBT, thu nhập TBC và thu nhập cao.

Các biến kiểm soát trong mô hình bao gồm GDP bình quân đầu người thực đầu chu kỳ, Vốn con người, Lạm phát, Quy mô chính phủ, Độ mở thương mại, Thâm hụt ngân sách, Khủng hoảng nợ công.

3.2.3 Đo lường biến nghiên cứu

Bảng 3.1: Bảng mô tả biến và kỳ vọng dấu

Tên biến	Công thức đo lường	Tác giả đã từng sử dụng	Kỳ vọng dấu trong luận án
GDP bình quân đầu người thực đầu chu kỳ ($Y_{i,t-4}$)	Lấy logarit của GDP bình quân đầu người thực đầu chu kỳ	Presbitero (2005), Caner và cộng sự (2010), Cecchetti và cộng sự (2011), Woo và Kumar (2010, 2015), Nguyễn Văn Bôn (2016), Kim và cộng sự (2017),...	-
Nợ công (DEBT)	Tỷ lệ nợ công/GDP (%)	Kumar & Woo (2010, 2015), Minea & Parent (2012), Égert (2015), Markus & Rainer (2018)	+
Tham nhũng (CPI)	Chỉ số cảm nhận tham nhũng với thang đo từ 0 (tham nhũng ít nhất) đến 10 (tham nhũng nhiều nhất).	Méon và Sekkat (2005), Heckelman và Powell (2010), Takuma và cộng sự (2014), Chiung-Ju Huang (2016), Đặng Văn Cường (2016), Kim và cộng sự (2017)	-
Vốn con người (HUMAN)	Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động trên tổng dân số (từ 15 tuổi đến 64 tuổi) (%)	Woo, J. và Kumar (2015); Nguyễn Văn Bôn (2015); Eunji Kim, Yoohee Ha và Sangheon Kim (2017).	+
Lạm phát (INFLAT)	Tỷ lệ lạm phát	Gillman và cộng sự. (2004) Gillman & Harris (2008); <i>Presbitero (2012)</i> , Samimi & Kenari (2015); Woo, J.; Kumar (2015); Égert, B. (2015); Eunji Kim, Yoonhee	-

		Ha and Sangheon Kim (2017); Yifei Cai (2017); Andrzej Cieřlik và Łukasz Goczek (2018); Saeed, S.; Islam, T. (2018)	
Quy mô chính phủ (GFSIZE)	Chi tiêu tiêu dùng của Chính phủ/GDP (%)	Woo, J.; Kumar (2015); Eunji Kim, Yoonhee Ha and Sangheon Kim (2017); Andrzej Cieřlik và Łukasz Goczek (2018)	+
Độ mở thương mại (TO)	Tổng tỷ lệ xuất khẩu và nhập khẩu/GDP (%)	Égert, B. (2015); Woo, J.; Kumar (2015); Eunji Kim, Yoonhee Ha and Sangheon Kim (2017); Yifei Cai (2017); Markus Ahlborn & Rainer Schweickert (2018); Saeed, S.; Islam, T. (2018)	+
Thâm hụt ngân sách (DEFICIT)	Chênh lệch giữa tổng thu ngân sách và tổng chi ngân sách/GDP (%)	Afonso, A., và Jalles, J. T. (2013); Woo, J. và Kumar (2015); Eunji Kim, Yoonhee Ha và Sangheon Kim (2017)	-
Khủng hoảng nợ công 2010	Biến giả nhận giá trị là 1 (2011-2019) và 0 (2000-2010)	Afonso, A., và Jalles, J. T. (2013);	

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

3.3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.3.1. Các phương pháp ước lượng dữ liệu bảng

3.3.1.1. Phương pháp ước lượng Pooled – OLS

3.3.1.2. Mô hình tác động cố định (FEM)

3.3.1.3. Mô hình tác động ngẫu nhiên (REM)

3.3.2 Kiểm định lựa chọn phương pháp ước lượng

3.3.2.1 Kiểm định Hausman

3.3.2.2 Kiểm định F

3.3.3 Kiểm định sự phù hợp của mô hình

3.3.3.1 Kiểm định đa cộng tuyến

3.3.3.2 Kiểm định phương sai sai số thay đổi

3.3.3.3 Kiểm định tự tương quan

3.3.3.4 Kiểm tra hiện tượng nội sinh

3.3.4 Phương pháp ước lượng theo moment tổng quát (GMM)

Cụ thể, chúng ta sẽ sử dụng phương pháp moment tổng quát sai phân (Difference Generalized Method Moments – DGMM) theo Arellano và Bond (1991) vì mô hình nghiên cứu này cũng đáp ứng được những giả định Arellano và Bond (1991) đặt ra đối với phương pháp DGMM, cụ thể các giả định gồm:

Thứ nhất là dữ liệu của các biến trong mô hình có tính động với giá trị hiện tại của biến phụ thuộc bị ảnh hưởng bởi chính dữ liệu của biến phụ thuộc trong quá khứ.

Thứ hai là các đặc điểm riêng của các đối tượng nghiên cứu thay đổi theo thời gian

Thứ ba là các ước lượng theo mô hình thông thường bị hiện tượng nội sinh

Thứ tư là các ước lượng theo mô hình thông thường bị hiện tượng phương sai sai số thay đổi, tự tương quan

Để xác định tính hiệu lực của biến công cụ đối với DGMM hai bước (twostep), tác giả thực hiện kiểm định Hansen với giả thuyết H_0 biến công cụ là biến ngoại sinh (mối tương quan giữa biến công cụ và phần dư là không có ý nghĩa) và giả thuyết H_1 hàm ý có ít nhất một biến công cụ là biến nội sinh. Giá trị kiểm định P-value $> 0,05$ cho kết luận rằng chấp nhận giả thuyết H_0 hay nói cách khác biến công cụ được sử dụng là phù hợp. Ngoài ra, tác giả thực hiện kiểm định Arellano-Bond nhằm xác định hiện tượng tự tương quan trong sai phân của phần dư. Nếu sai phân của phần dư

chỉ có tự tương quan bậc 1 và không có tự tương quan bậc 2 nghĩa là mô hình đã được khắc phục hiện tượng nội sinh. Nếu sai phân của phần dư vẫn còn tương quan bậc 2 thì mô hình vẫn bị hiện tượng nội sinh và ước lượng GMM trong trường hợp này không hiệu quả. Để thực hiện kiểm định này người ta đặt giả thuyết H_0 là mô hình không bị tự tương quan bậc 2 và H_1 là mô hình bị tự tương quan bậc 2. Trường hợp giá trị kiểm định P-value (AR1) $< 0,05$ và P-value (AR2) $> 0,05$ thì mô hình bị tự tương quan bậc 1 nhưng không bị tự tương quan bậc 2.

3.3.5 Quy trình nghiên cứu

Tóm tắt Chương 3

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1 PHÂN TÍCH THỐNG KÊ MÔ TẢ

4.1.1 Phân tích thống kê mô tả chung

4.1.2 Đặc điểm chung của các nhóm nước nghiên cứu

4.1.3 Thống kê mô tả các biến nghiên cứu

Kết quả phân tích thống kê mô tả cho biết GDP BQND thực trung bình của ba nhóm nước TNC, TBC, TBT lần lượt là 10.3364; 9,2406 và 8,3456 cùng với độ lệch chuẩn đều dưới 0,5; Số liệu về tỷ lệ nợ công/GDP của ba nhóm nước TNC, TBC, TBT lần lượt là 58,4%; 40,3% và 48,64%. Số liệu về chỉ số cảm nhận tham nhũng của ba nhóm nước TNC, TBC, TBT lần lượt là 2,85; 6,36 và 7,08 cho thấy việc phân chia các nhóm theo thu nhập đảm bảo dữ liệu tập trung và phản ánh đặc điểm nổi bật cho từng nhóm và kỳ vọng mang lại những kết quả phù hợp hơn.

4.2 PHÂN TÍCH TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC BIẾN

Bảng 4.10: Ma trận hệ số tương quan của các biến nghiên cứu nhóm nước thu nhập cao

Tên biến	Tăng trưởng kinh tế	GDP BQĐN thực đầu chu kỳ	Nợ công	Tham Nhũng	Vốn con người	Lạm phát	Độ mở thương mại	Quy mô Chính phủ	Thâm hụt ngân sách
Tăng trưởng kinh tế	1,000								
GDP BQĐN thực đầu chu kỳ	-0,450***	1,000							
Nợ công	-0,244***	0,187***	1,000						
Tham nhũng	-0,223***	0,634***	0,130***	-					
Vốn con người	0,101**	0,156***	0,226***	0,013	1,000				
Lạm phát	-0,038	-0,344***	0,211***	-0,175***	0,015	1,000			
Độ mở thương mại	0,121***	0,396***	0,190***	-0,171***	0,676***	-0,043	1,000		
Quy mô Chính phủ	-0,143***	-0,004	0,187***	0,023	-0,526***	-0,093**	-0,422***	1,000	
Thâm hụt ngân sách	-0,089**	0,306***	0,283***	-0,473***	0,010	0,018	0,230***	-0,166***	1,000

Nguồn: Kết quả nghiên cứu trích xuất từ phụ lục 4.2

Bảng 4.11: Ma trận hệ số tương quan của các biến nghiên cứu nhóm nước thu nhập trung bình cao

Tên biến	Tăng trưởng kinh tế	GDP BQĐN thực đầu chu kỳ	Nợ công	Tham Nhũng	Vốn con người	Lạm phát	Độ mở thương mại	Quy mô Chính phủ	Thâm hụt ngân sách
Tăng trưởng kinh tế	1,000								
GDP BQĐN thực đầu chu kỳ	-	1,000							
Nợ công	-0,093*	-0,139***	1,000						
Tham nhũng	0,244***	0,253***	0,112***	1,000					
Vốn con người	0,189***	0,381***	-0,101**	0,125**	1,000				
Lạm phát	0,071	0,058	-0,085*	-0,076*	0,000	1,000			
Độ mở thương mại	0,002	0,121**	0,018	-0,319***	0,067	0,037	1,000		
Quy mô Chính phủ	-0,077*	0,085*	0,058	-0,521***	0,005	0,046	0,118**	1,000	
Thâm hụt ngân sách	0,093***	-0,026	0,152***	0,032	0,042	0,469***	0,114**	0,039	1,000

Nguồn: Kết quả nghiên cứu trích xuất từ phụ lục 4.2

Bảng 4.12: Ma trận hệ số tương quan của các biến nghiên cứu nhóm nước thu nhập trung bình thấp

Tên biến	Tăng trưởng kinh tế	GDP BQĐN thực đầu chu kỳ	Nợ công	Tham Nhũng	Vốn con người	Lạm phát	Độ mở thương mại	Quy mô Chính phủ	Thâm hụt ngân sách
Tăng trưởng kinh tế	1,000								
GDP BQĐN thực đầu chu kỳ	-0,211***	1,000							
Nợ công	0,111** -0,168***	-0,156***	1,000						
Tham nhũng		-0,346***	-0,095*	1,000					
Vốn con người	0,205***	0,712***	-0,133**	-0,172***	1,000				
Lạm phát	0,146***	-0,131**	0,123**	0,228*	-0,023	1,000			
Độ mở thương mại	0,222***	0,128**	-0,116**	-0,123**	0,461***	0,085	1,000		
Quy mô Chính phủ	-0,080	0,253***	-0,068	-0,240***	0,309***	-0,073	0,235**	1,000	
Thâm hụt ngân sách	-0,102*	-0,099*	0,036	-0,077***	0,029	0,044	0,107*	0,043	1,000

Nguồn: Kết quả nghiên cứu trích xuất từ phụ lục 4.2

4.3 PHÂN TÍCH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.3.1 Kết quả nghiên cứu tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế

Kết quả nghiên cứu tác động của nợ công đến TTKT trong Bảng 4.13 cho thấy: Mối quan hệ giữa nợ công và TTKT là tuyến tính và ngưỡng nợ công của ba nhóm TNC, TBC và TBT lần lượt là 120%/GDP, 93%/GDP và 67%/GDP (Cột 1, 3, 5). Nợ công tác động tích cực đến TTKT ở cả ba nhóm nước với các mức độ khác nhau. Giai đoạn sau khủng hoảng nợ, nợ công gia tăng có tác động hỗ trợ tốt hơn cho sự phục hồi của nền kinh tế đối với nhóm nước thu nhập TBC. TBT nhưng lại giảm tác động tích cực đối với nhóm TNC (Cột 2, 4, 6).

Bảng 4.13: Kết quả ước lượng tác động phi tuyến của nợ công đến tăng trưởng kinh tế theo DGMM của các nhóm nước

Tên biến	Mẫu nước TNC		Mẫu nước TBC		Mẫu nước TBT	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
GDP bình quân	-	-		-		
đầu người thực	0,1020***	0,0624***	-0,0296	0,1117***	-0,1057***	-0,1544***
đầu chu kỳ	0,00372**		0,00235***	0,0011***	0,00334***	0,0006***
Nợ công	*	0,0007***				
	-		-0,00001**		-0,00002***	
Nợ công bình phương	0,00001**	*				
Ngưỡng nợ công	120%		93%		67%	
	-0,0098	-	0,0190***	0,0057***	0,0090***	0,0171***
Vốn con người	***	0,0122***				
	-	-	0,0008	-	0,0001	0,0000
Lạm phát	0,0015***	0,0012***		0,00043**		
Độ mở thương mại	-	-	0,0015***	0,0004**	4,17e	-
	0,0003***	0,0003***				0,0005***
Quy mô Chính phủ	-0,0017	0,0033***	0,0050***	-0,0022	-0,0008***	-0,0000
Thâm hụt ngân sách	0,0015***	0,0001	-0,0008	0,0001	0,0001	-0,0012*
Khủng hoảng nợ công	-		0,0062***		0,0133***	
	0,0033***					
Nợ công*Khủng hoảng nợ công		-		0,00007**		0,0001***
		0,00004**				
		*				
Kiểm định			0,081	0,606	0,486	0,850
Abond (AR2)	0,147	0,584				
Kiểm định			0,157	0,096	0,142	0,227
Hansen	0,173	0,175				

Nguồn: Kết quả nghiên cứu trích xuất từ phụ lục 4.3

4.3.2 Kết quả nghiên cứu tác động của tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế

Bảng 4.14: Kết quả ước lượng tác động của tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế theo DGMM của các nhóm nước

Tên biến	Mẫu nước TNC		Mẫu nước TBC		Mẫu nước TBT	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
GDP bình quân đầu người thực đầu chu kỳ	-0,0356***	-0,0266***	-0,0453***	-0,1301***	-0,1039***	-0,1091***
Tham nhũng	0,0351***	0,0394***	-0,0113***	-0,0126***	-0,0239***	-0,0063**
Vốn con người	-0,0104***	-0,0107***	0,0183***	0,0068***	0,0075**	0,0109***
Lạm phát	-0,0013***	-0,0012***	0,0001	-0,0008***	0,0002	-0,0002
Quy mô Chính phủ	0,0069***	0,0071***	0,0007	0,0095***	0,0009	-0,0031***
Độ mở thương mại	-0,0003***	-0,0003***	0,0012***	0,0010***	-0,0008***	-0,0003***
Thâm hụt ngân sách	0,0011***	0,0008***	0,0040*	0,0029***	0,0004	-0,0016**
Khủng hoảng nợ công	-0,0021***		0,0024		0,0005	
Tham nhũng*Khủng hoảng nợ công		-0,0023***		0,0015***		-0,0009***
Kiểm định Abond (AR2)	0,552	0,325	0,924	0,386	0,628	0,136
Kiểm định Hansen	0,173	0,147	0,353	0,241	0,457	0,186

Nguồn: Kết quả nghiên cứu trích xuất từ phụ lục 4.4

4.3.3 Kết quả nghiên cứu tác động của nợ công, tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế

Bảng 4.15 trình bày kết quả tác động của nợ công, tham nhũng và biến tương tác nợ công tham nhũng đến TTKT.

Bảng 4.15: Kết quả tác động của NC, TN đến TTKT theo DGMM của các nhóm nước

Tên biến	Mẫu nước	Mẫu nước	Mẫu nước
	TNC	TBC	TBT
GDP bình quân đầu người thực đầu chu kỳ	-0,0925***	-0,1226***	-0,2680***
Nợ công	0,0020***	0,0061***	0,0079**
Tham nhũng	0,0535***	-0,0283**	0,0267
Nợ công*Tham nhũng	-0,0004***	-0,0007***	-0,0010*
Vốn con người	-0,0099***	0,0009	0,0333***
Lạm phát	-0,0016***	-0,0012*	0,0007*
Quy mô Chính phủ	0,0055***	0,0043*	-0,0023
Độ mở thương mại	-0,0001***	0,0006*	-0,0002
Thâm hụt ngân sách	0,0011***	-0,0008	-0,0019
Khủng hoảng nợ công	-0,0015*	0,0129***	0,0049
Kiểm định Abond (AR2)	0,066	0,712	0,078
Kiểm định Hansen	0,113	0,057	0,186

Nguồn: Kết quả nghiên cứu trích xuất từ phụ lục 4.5

Tóm tắt Chương 4

CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

5.1 KẾT LUẬN

Thứ nhất, kết quả thực nghiệm kiểm định mối quan hệ phi tuyến đã cho thấy rằng tồn tại mối quan hệ giữa nợ công và TTKT là phi tuyến, nghĩa là việc gia tăng nợ công lúc đầu tác động tích cực đối với TTKT nhưng đến một ngưỡng nhất định thì tác động này sẽ đổi chiều. Luận án cũng cho thấy ngưỡng nợ công đối với các mẫu nghiên cứu cũng có sự khác biệt, nước có thu nhập cao hơn thì có ngưỡng nợ công cao hơn và

ngược lại. Cụ thể, ngưỡng nợ công đối với mẫu nước TNC là 120%, thu nhập TBC là 93%/GDP, mẫu nước thu nhập TBT là 67%/GDP. Kết quả nghiên cứu này ủng hộ cho giả thuyết nghiên cứu thứ nhất mà tác giả đã xây dựng trước đó và cũng giải quyết được mục tiêu đầu tiên của luận án. Thêm vào đó, khi thực hiện tách biệt giai đoạn nghiên cứu thành trước và sau khủng hoảng nợ công tác giả nhận thấy rằng sau khủng hoảng nợ công mức độ tác động tích cực của nợ công lớn hơn hay nói cách khác là việc sử dụng nợ công là hiệu quả hơn so với giai đoạn trước khủng hoảng đối với các nước thu nhập trung bình nhưng thấp hơn đối với nhóm nước TNC.

Thứ hai, luận án cũng phân tích tác động trực tiếp của tham nhũng đến TTKT cho các mẫu nghiên cứu đối với giai đoạn từ 2000 đến 2019 cũng như cho giai đoạn trước và sau khủng hoảng nợ công 2010. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ tác động của tham nhũng đối với TTKT cũng có sự khác nhau về chiều hướng và mức độ tác động. Cụ thể, trong suốt giai đoạn nghiên cứu, tham nhũng tác động tiêu cực đối với TTKT ở nhóm TBC và TBT trong khi lại nhóm TNC thì ngược lại. Giai đoạn sau khủng hoảng nợ công, tác động tiêu cực của tham nhũng đối với TTKT giảm ở nhóm TBC và trầm trọng hơn đối với nhóm TBT, còn đối với nhóm TNC thì ảnh hưởng cùng chiều của tham nhũng đến TTKT cũng giảm.

Thứ ba, luận án tiếp tục thực hiện phân tích tác động tổng thể của nợ công, tham nhũng đến TTKT để giải quyết mục tiêu thứ ba của luận án đã đặt ra trước đó. Kết quả phản ánh hệ số hồi quy của biến nợ công dương và của biến tương tác giữa nợ công và tham nhũng là âm và có ý nghĩa thống kê cho thấy tác động của nợ công đến TTKT là một hàm số phụ thuộc vào chỉ số tham nhũng, chỉ số tham nhũng càng cao thì tác động tích

cực của nợ công đến TTKT càng giảm và nếu tỷ lệ tham nhũng tiếp tục gia tăng thì tác động tích cực của nợ công đến TTKT sẽ biến mất mà thay vào đó là tác động tiêu cực đến TTKT do tham nhũng gây ra. Kết quả này còn hàm ý rằng vay nợ là một công cụ tốt để hỗ trợ thúc đẩy TTKT tuy nhiên nếu việc sử dụng nợ vay không hiệu quả do tham nhũng mới là vấn đề thực sự cần quan tâm và giải quyết. Do đó, kiểm soát tốt tham nhũng sẽ làm hạn chế tiêu cực phát sinh từ nợ công và tận dụng tốt các cơ hội từ nợ công mang lại để phát triển đất nước đặc biệt đối với các quốc gia thu nhập trung bình.

Cuối cùng, luận án cũng xem xét tác động của một số biến kiểm soát như GDP bình quân đầu người thực đầu chu kỳ, vốn con người, lạm phát, quy mô Chính phủ, độ mở thương mại và thâm hụt ngân sách đến TTKT cho cả ba nhóm nước. Hầu hết các kết quả nghiên cứu đạt được đều có sự tương đồng khá cao đối với các nghiên cứu đã được thực hiện trước đó ngoại trừ đối với biến độ mở thương mại.

5.2 HÀM Ý CHÍNH SÁCH

5.2.1 Đối với các nước thuộc nhóm thu nhập cao

- Chính sách về cắt giảm chi tiêu, cắt giảm vay nợ, tăng cường các biện pháp phòng chống tham nhũng nhằm tăng cường chất lượng thể chế để từng bước đưa tỷ lệ nợ công bằng hoặc thấp hơn ngưỡng nợ công mục tiêu: Ý và Hy Lạp
- Xây dựng ngưỡng nợ công cảnh báo so với ngưỡng nợ tối ưu để tạo vùng đệm và cần tăng cường hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp về phòng chống tham nhũng: Bồ Đào Nha, Mỹ, Tây Ban Nha, Singapore, Pháp, Bỉ.
- Gia tăng tỷ lệ nợ công thích hợp: Chile, Estonia, Hong Kong, Lithuania, Luxembourg

5.2.2 Đối với các nước thuộc nhóm thu nhập trung bình cao

- Brazil và Jordan cần thực hiện chính sách thắt chặt chi tiêu, cơ cấu lại các khoản chi tiêu và các dự án đầu tư công theo hướng ít phụ thuộc vào nguồn tài nguyên hơn, định hướng khu vực sản xuất tư nhân theo hướng phát triển kinh tế đi đôi với đầu tư nghiên cứu & phát triển.

- Azerbaijan, Botswana, Guatemala, Kazakhstan, Paraguay, Peru và Russia nên cân nhắc việc gia tăng tỷ lệ nợ công ở mức hợp lý.

- Jamaica, Argentina thực hiện các chính sách tương tự như đối với các nước Brazil và Jordan để tạo vùng đệm an toàn.

- Các nước đang có tỷ lệ nợ công trên 60%/GDP, nên tiếp tục duy trì một tỷ lệ nợ công dưới ngưỡng nợ tối ưu một cách hợp lý, đặc biệt là đặc biệt là Nam Phi và Trung Quốc. Các quốc gia này tiếp tục gia tăng hiệu quả các biện pháp phòng, chống tham, cải thiện chất lượng quản trị công để cải thiện chất lượng thể chế nhằm đạt được những lợi ích lớn nhất do nợ công mang lại.

5.2.3 Đối với các nước thu nhập trung bình thấp

Egypt, El Salvador, India, Pakistan, Tunisia và Zambia buộc phải thực hiện chính sách giảm chi tiêu công một cách triệt để để từng bước đưa tỷ lệ nợ công về ngưỡng an toàn. Một số nước khác như Bolivia, Ghana, Kenya, Morocco, Senegal cũng cần phải thực hiện các chính sách tương tự như nhóm trên. Bên cạnh đó, các quốc gia này cần đặt phòng, chống tham nhũng là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội.

Một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Các giải pháp đối với nợ công

Thứ nhất là tăng cường khía cạnh quản trị nợ công hơn nữa bên cạnh những hướng dẫn về quản lý nợ công theo các văn bản đã được ban hành để tăng cường hiệu quả sử dụng nợ công dựa trên chi phí sử dụng nợ và chấp nhận rủi ro hợp lý; Thứ hai nâng cao tính minh bạch trong việc

công bố thông tin về nợ công; Cuối cùng, cần xây dựng một chuẩn mực hướng dẫn về việc lập báo cáo nợ công theo xu hướng đa dạng thông tin.

Các giải pháp đối với tham nhũng

Thứ nhất tăng cường tự do kinh tế và dân chủ; *Thứ hai* là tiếp tục cải thiện chính sách tiền lương; *Thứ ba* là tăng cường chế độ giám sát thực hiện công khai báo cáo về phòng, chống tham nhũng một cách rộng rãi đến công chúng; *Thứ tư* là cần xây dựng hệ thống các mẫu biểu báo cáo và chỉ tiêu cụ thể đối với báo cáo tham nhũng cần được công khai áp dụng thống nhất cho tất cả các cấp; *Cuối cùng* cần thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng ở các cấp học nhỏ hơn.

5.3 HẠN CHẾ CỦA LUẬN ÁN

Thứ nhất nghiên cứu này chưa xem xét đến tác động của từng thành phần của nợ. Thứ hai ngưỡng nợ được xác định theo lý thuyết đường cong Laffer nên chỉ tìm thấy một giá trị ngưỡng. Tuy nhiên, có thể tồn tại nhiều ngưỡng nợ công khác nhau mà ở đó nợ công có thể tác động tiêu cực đến TTKT. Thứ ba, các hàm ý về mặt chính sách dựa trên cơ sở các dữ liệu thu thập được phản ánh chính xác tình hình thực tế các nước và sự hiểu biết của cá nhân tác giả.

5.4 HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO

- Phân tích từng thành phần của nợ để xem xét mức độ ảnh hưởng của từng loại nợ đến TTKT để có những kiến nghị chính sách cụ thể hơn.
- Sử dụng những cách đo lường khác để xác định ngưỡng nợ công tối ưu.

Tóm tắt Chương 5

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. Tác động của nợ công, tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế của các quốc gia thu nhập trung bình thấp. Tạp chí Tài chính Kỳ 2 – Tháng 3/2021 (735), ISSN – 2615-8973.
2. Tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia trên thế giới, Tạp chí Tài chính Kỳ 2 – Tháng 8/2020 (735), ISSN – 2615-8973.
3. The Impact of public debt on economic growth for low middle countries, Kỷ yếu hội thảo Quốc tế trường ĐH Tài chính Marketing, ISBN: 978-604-79-2601-5.
4. Tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế tại một số quốc gia Đông Nam Á, Kỷ yếu hội thảo khoa học trường ĐH Tài chính Marketing, ISBN 978-604-79-2625-1